

Số : 99/KH-TTLV1

Lấp Vò, ngày 30 tháng 8 năm 2024

## KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG Năm học 2024-2025

### I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Quyết định số 654/QĐ-UBND-HC ngày 09/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Hướng dẫn số 83/HD-SGDĐT ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Tháp về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn cấp tiểu học năm học 2024-2025;

Công văn số 347/UBND-VX ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò về việc triển khai thực hiện Khung kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 theo Quyết định số 645/QĐ-UBND-HC của UBND Tỉnh.

Hướng dẫn số 02/HD-PGDĐT ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Lấp Vò về việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn cấp tiểu học năm học 2024-2025.

Hướng dẫn số 03/HD-PGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông.

### II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2024-2025

#### 1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội địa phương

##### 1.1. Thuận lợi

Thị trấn Lấp Vò có diện tích tự nhiên 4,8 km<sup>2</sup> chiếm tỉ lệ 1,96% của toàn huyện. Mật độ dân số khoảng 2.350 người/km<sup>2</sup>. Thị trấn Lấp Vò có 4 khóm đó là : Bình Phú Quới, Bình Thạnh 1, Bình Thạnh 2 và Bình Hoà; địa giới phía Bắc giáp kinh Lấp Vò, các phía Đông, Tây, Nam đều giáp với xã Bình Thành. Thị trấn Lấp Vò, nơi đóng huyện lỵ Lấp Vò, nhìn chung đất đai bằng phẳng, phần lớn là đất canh tác và đất thổ cư, nhiều kênh rạch, sông ngòi và ao hồ.

Thị trấn Lấp Vò có vị trí thuận lợi trong giao lưu hàng hoá với các vùng và địa phương khác, đặc biệt là Cần Thơ, An Giang và Thành phố Hồ Chí Minh thông qua các tuyến đường thuỷ quan trọng là sông Tiền và sông Hậu, đặc biệt là tuyến vận tải đường thuỷ quốc gia kinh Lấp Vò-Sa Đéc. Giao thông đường bộ nối với thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Vĩnh Long, Tiền Giang, Long An được thực hiện thông qua tuyến Quốc lộ 80 nối Thị trấn Lấp Vò với thị xã Sa Đéc, cầu Mỹ Thuận, Quốc lộ 1A. Tất cả đã tạo cho Thị trấn Lấp Vò có một điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển.

Hiện nay, thương mại và dịch vụ phát triển khá mạnh, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đa dạng trong sản xuất, thị trường và đời sống nhân dân. Chợ Lấp Vò hoạt động hiệu quả, làm tốt vai trò đầu mối của Thị trấn và của huyện. Đặc biệt là các loại hình dịch vụ như : công nghệ thông tin, bưu chính viễn thông, tài chính-tín dụng, giao thông, nhà trọ, khách sạn, cung ứng vật liệu xây dựng, vật tư nông nghiệp, sửa chữa, tư vấn phát triển mạnh... Từng bước đa dạng hoá các loại hình hoạt động phục vụ nhu cầu phục vụ sinh hoạt và hưởng thụ của nhân dân.

Thị trấn Lấp Vò là địa bàn có vị trí thuận lợi về đường bộ, đường thủy nên đã thu hút nhiều tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh trên nhiều lĩnh vực: chế biến lau bóng gạo và xuất khẩu; cửa hàng vật liệu xây dựng; cơ sở kinh doanh xăng dầu,... với trên 400 cơ sở sản xuất lớn nhỏ đã giải quyết từ 2000 đến 2500 lượt lao động hàng năm, góp phần giảm nghèo, tăng thu nhập trong nhân dân.

Trường nằm ngay trung tâm của huyện Lấp Vò; địa phương đang được tỉnh đầu tư để đạt tối đa các tiêu chí của đô thị loại III, đây cũng là điều kiện thuận lợi để cho kinh tế phát triển, thu hút được nhiều người đến làm ăn, nhu cầu học tập chất lượng cao từ đó sẽ tăng theo, chính là cơ hội để nhà trường phát triển.

Trường luôn nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng, Chính quyền địa phương; sự đồng thuận của phụ huynh học sinh trong việc công tác giáo dục nhà trường nhiều năm qua, được Ủy ban Nhân dân huyện giao quyền tự chủ về tài chính nên rất thuận lợi trong việc đầu tư, sử dụng nguồn kinh phí hoạt động một cách chủ động, đáp ứng kịp thời những nhu cầu cần thiết cho hoạt động của nhà trường.

Các nhà mạng như VNPT, Viettel đầu tư, hỗ trợ cho nhà trường về đường truyền internet, các phần mềm,... giúp cho nhà trường trong công tác quản lý, giảng dạy hiệu quả hơn.

## **1.2. Khó khăn**

Một bộ phận người dân còn sống bằng nghề bấp bênh như buôn bán nhỏ lẻ, làm thuê, bán vé số, đi lao động ở các thành phố lớn... , trình độ dân trí chưa cao. Một số số ít gia đình học sinh có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, còn một bộ phận dân cư nhận thức thấp, thiếu sự quan tâm đến giáo dục nhất là việc học tập của con em mình nên có ảnh hưởng không nhỏ đến công tác xã hội hóa, đến chất lượng chung của từng lớp và nhà trường.

Bên cạnh sự phát triển của xã hội thì môi trường bên ngoài khá phức tạp, ít nhiều ảnh hưởng tiêu cực tới HS. Các lực lượng giáo dục (gia đình – môi trường – xã hội) chưa thực sự phối hợp đồng bộ nên ít nhiều ảnh hưởng đến hiệu quả giáo dục của nhà trường. Một số gia đình chỉ lo làm ăn kinh tế, ít quan tâm

đến việc giáo dục con em mình, chỉ giao phó cho nhà trường nên các em chưa ngoan, gia đình khó kiểm soát.

## 2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2024-2025

### 2.1. Đặc điểm học sinh của trường

#### a) Số liệu:

Cụ thể số học sinh mỗi khối lớp như sau:

Khối	Số lớp	Số HS	Nữ	Tỉ lệ HS/lớp	HS người Dân tộc	HS khuyết tật	Số HS hộ nghèo	Số HS cận nghèo	HS Mồ côi	Số HS khó khăn
1	05	177	83	35,4	0	01	02	03	0	07
2	05	191	91	38,2	01	03	01	01	01	08
3	05	209	105	41,8	0	0	01	02	01	12
4	05	180	97	36	0	02	0	02	01	07
5	06	205	87	34,2	0	01	03	05	02	11
<b>Cộng</b>	<b>26</b>	<b>962</b>	<b>463</b>	<b>37</b>	<b>01</b>	<b>07</b>	<b>07</b>	<b>13</b>	<b>05</b>	<b>45</b>

#### b) Nhận xét:

##### \* Thuận lợi

- Nhà trường hiện có 26 lớp học, đủ 5 khối lớp (Khối 1, 2, 3, 4 mỗi khối có 05 lớp; khối 5 có 06 lớp) với tổng số là 962 học sinh, nữ là 463 em.

- Có nhiều học sinh năng khiếu đã tham gia các phong trào của trường và đang được bồi dưỡng để phát triển.

- Hầu hết học sinh của nhà trường đều ngoan, lễ phép, tích cực học tập.

##### \* Khó khăn

- Mỗi lớp học có bình quân 37 học sinh, so với quy định là nhiều, lí do trường phải nhận trẻ em các xã ngoài địa bàn nhưng giáp ranh với trường và con em của các cán bộ, công chức, viên chức đang công tác trên địa bàn thị trấn.

- Sĩ số học sinh/lớp cao hơn so với quy định nên việc kèm cặp, giúp đỡ các em cũng có nhiều hạn chế dẫn đến dù lên lớp nhưng chuẩn kiến thức, kỹ năng của lớp cũ vẫn chưa nắm chắc chắn, các em dễ quên sau các tháng nghỉ hè.

- Có một vài gia đình đi làm ăn xa nên dẫn con theo, sau đó trở về địa phương thì vào học trễ nên độ tuổi lớn hơn so với quy định. Một số học sinh vẫn còn nghịch phá, chưa ngoan, chưa biết chào hỏi thầy cô và người lớn tuổi.

### 2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

- Tổng số cán bộ, giáo viên, công nhân viên công tác tại đơn vị là 45 có 33 nữ (trong đó biên chế là 38, hợp đồng 06 giáo viên và 01 bảo vệ). Trong đó có cơ cấu biên chế gồm: 01 Hiệu trưởng, 01 Phó Hiệu trưởng, 01 giáo viên Tổng phụ trách Đội, 01 nhân viên kế toán-văn thư, 01 nhân viên y tế trường học kiêm

thủ quỹ, 01 nhân viên thư viện- thiết bị, 26 giáo viên chủ nhiệm cho 26 lớp, 04 giáo viên dạy Tiếng Anh, 02 giáo viên dạy Tin học, 02 giáo viên dạy Mĩ thuật, 03 giáo viên dạy Thể dục, 01 giáo viên dạy Âm nhạc và 01 nhân viên bảo vệ.

- Tỷ lệ nữ trong tổng số biên chế được giao: **73,33% (33/45)**.

- Tỷ lệ giáo viên trên tổng số lớp học: 38/26, tỉ lệ 1,46

- Trình độ đào tạo:

+ Đại học gắn với chuyên môn: **44**

+ Cao đẳng sư phạm: 00

+ Y sĩ : 01.

+ Bảo vệ: 01.

Cụ thể:

TT	Đội ngũ	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo							
				Đại học		Cao đẳng		Trung cấp			Hợp đồng 111
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	CBQLGD	2	1	2	100	0	0,00	0	0	0	0,00
2	GV tiểu học	26	20	26	100	0	0,00	0	0	03	6,7
3	GV dạy chuyên	12	8	12	100	0	0,00	0	0	0	0,00
4	GV TPT Đội	1	1	1	100	0	0,00	0	0	0	0,00
5	Nhân viên	4	3	2	50	01	25	01	25	01	25
<b>Cộng</b>		<b>45</b>	<b>33</b>	<b>43</b>	<b>95,6</b>	<b>1</b>	<b>2,2</b>	<b>1</b>	<b>2,2</b>	<b>04</b>	<b>8,9</b>

**\* Thuận lợi:**

- Đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý trong nhà trường đảm bảo đủ theo yêu cầu. Độ tuổi trung bình là **44** tuổi.

- Cán bộ quản lý luôn được tập thể nhà trường tín nhiệm và có trình độ đại học sư phạm theo quy định; đã từng trải qua nhiều năm dạy học ở tiểu học và đạt giáo viên dạy giỏi vòng huyện, vòng tỉnh; tham gia bồi dưỡng về quản lý giáo dục và thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, quyền hạn và có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý; luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, năng động, sáng tạo, ham học tập, nắm vững nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy các bộ môn cùng kế hoạch của cấp trên.

- Nhà trường có đủ số lượng giáo viên và được phân công giảng dạy đúng chuyên môn được đào tạo; tất cả giáo viên đạt trình độ đại học sư phạm trở lên. Hằng năm, tất cả giáo viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của cơ quan quản lý có thẩm quyền. Số lượng giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ mức khá trở lên là cao. Tỷ lệ GV đạt giáo viên dạy giỏi các cấp:

+ Cấp trường: 05/45 – Tỷ lệ: 12,5%

+ Cấp huyện: 20/45 – Tỷ lệ: 50%

+ Cấp tỉnh: 09/45 – Tỷ lệ: 22,5%

- Nhà trường đảm bảo biên chế đội ngũ nhân viên theo đúng quy định của trường tiểu học hạng 2. Đội ngũ nhân viên trẻ, khả năng tiếp thu nhanh, ý thức tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ tốt. Có tinh thần trách nhiệm cao, luôn hoàn thành tốt công việc được giao.

**\* Khó khăn:**

- Các nhân viên kế toán kiêm văn thư, y tế kiêm thủ quỹ trường học chỉ chủ yếu làm nhiệm vụ chuyên môn, nên các công tác kiêm nhiệm còn gặp nhiều khó khăn.

- Trường còn 04 giáo viên hợp đồng theo Nghị định 111, chưa có giáo viên được tuyển dụng chính thức; một vài giáo viên sức khỏe yếu nên ảnh hưởng đến công tác giảng dạy và hoạt động chuyên môn.

- Một vài giáo viên lớn tuổi nên việc tiếp cận, ứng dụng việc chuyển đổi số còn gặp nhiều khó khăn.

**2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú**

**a) Số liệu:**

- Trường có tất cả 46 phòng cùng một điểm. Trong đó có 30 phòng học và 16 phòng chức năng, hiệu bộ.

- Nhà trường có phòng thiết bị dạy học do cấp trên đầu tư đảm bảo để giáo viên sử dụng và bảo quản lâu dài. Thư viện công nhận đạt Tiên tiến trang bị đầy đủ sách giáo khoa, sách giáo viên và tài liệu tham khảo phục vụ giáo viên và học sinh.

**Cụ thể:**

- Phòng học, phòng làm việc:

TT	Điểm trường	Số phòng		Số lớp		Số HS	Số lớp 2 buổi/ngày (số HS)	Số lớp bán trú
		P. học	P. chức năng	Lớp đơn	Lớp ghép			
1.	Điểm chính	30	16	26	0	962	463	0
<b>Cộng</b>		30	16	26	0	<b>962</b>	<b>463</b>	<b>0</b>

- Thiết bị dạy học tối thiểu:

TT	Thiết bị dạy học (môn/khối lớp)	SL hiện có	Đủ	Thiếu	Ghi chú
1.	Khối lớp 1	5	x		
2.	Khối lớp 2	5	x		
3.	Khối lớp 3	1		x	Đang chờ trang bị
4.	Khối lớp 4	1		x	Đang chờ trang bị
5.	Khối lớp 5	5	x		
6.	Máy chiếu	3		x	
7.	Phòng máy tính dạy Tin học	25 bộ	x		

8.	Phòng học Tiếng Anh	1		x	
----	---------------------	---	--	---	--

*b) Nhận xét*

- Nhà trường có 01 điểm trường rất thuận tiện cho việc quản lý. Phòng học của nhà trường đảm bảo đủ về số lượng, quy cách, chất lượng và thiết bị của phòng học đảm bảo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

- Phòng học của trường đảm bảo cho 100% số lớp học 02 buổi/ngày và tận dụng tổ chức cho khoảng 200 học sinh ở bán trú. Thiết bị dạy học dành cho khối lớp 4 còn thiếu, nhà trường phải vận động giáo viên tự làm thêm để dạy học.

- Trường có phòng thiết bị dạy học do Sở GD-ĐT cấp đảm bảo để giáo viên sử dụng và bảo quản lâu dài. Trường có thư viện đạt Tiên tiến (Công nhận trong năm 2022) trang bị khá đầy đủ SGK, SGV và tài liệu tham khảo. Nhìn chung, tất cả giáo viên và học sinh đều có đầy đủ sách giáo khoa, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đảm bảo phục vụ khá tốt cho việc giảng dạy của trường.

**2.4. Sách giáo khoa sử dụng tại trường**

**a) Đối với lớp 1:**

STT	MÔN	NHÓM TÁC GIẢ	BỘ SÁCH	NHÀ XUẤT BẢN
1.	Tiếng Việt Tập một	Bùi Mạnh Hùng ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Ly Kha ( <i>Chủ biên</i> ), Nguyễn Lương Hải Như, Phạm Thị Kim Oanh, Vũ Minh Tâm, Nguyễn Xuân Tùng.	Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam
	Tiếng Việt Tập hai	Bùi Mạnh Hùng ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Ly Kha ( <i>Chủ biên</i> ), Nguyễn Lương Hải Như, Phạm Thị Kim Oanh, Vũ Minh Tâm, Nguyễn Xuân Tùng.	Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam
2.	Toán	Trần Nam Dũng ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Khúc Thành Chính ( <i>Chủ biên</i> ), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang.	Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam
3.	Đạo đức	Đình Phương Duy ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Trần Thanh Bình ( <i>Chủ biên</i> ), Trần Minh Hoàng, Lê Phương Trí, Trần Hoàng Túy.	Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam
4.	Tự nhiên và Xã hội	Đỗ Xuân Hội ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Thu Hằng ( <i>Chủ biên</i> ), Phạm Phương Anh, Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thị Thu Hiền, Lý Khánh Hoa, Mai Thị	Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam

STT	MÔN	NHÓM TÁC GIẢ	BỘ SÁCH	NHÀ XUẤT BẢN
		Kim Phượng.		
5.	Giáo dục Thể chất	Phạm Thị Lê Hằng ( <i>Chủ biên</i> ), Bùi Ngọc Bích, Trần Thanh Dũng, Lê Hải, Nguyễn Đình Phát, Nguyễn Hoàng Minh Thuận, Trần Minh Tuấn.	Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam
6.	Âm nhạc	Hồ Ngọc Khải ( <i>Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên</i> ), Nguyễn Đăng Bửu, Trần Ngọc Hùng.	Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam
7.	Mĩ thuật	Nguyễn Xuân Tiên ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Hoàng Minh Phúc ( <i>Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Minh Thiên Hoàng, Nguyễn Hồng Ngọc, Lâm Yên Như.	Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam
8.	Hoạt động trải nghiệm	Vũ Quang Tuyên ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Nguyễn Hữu Tâm ( <i>Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Hà Liên, Lê Phương Trí.	Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam
9.	Tiếng Anh	Hoàng Văn Vân ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Nguyễn Quốc Tuấn ( <i>Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Nguyễn Bích Thủy, Lương Quỳnh Trang.		Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

**b) Đối với lớp 2:**

STT	MÔN	NHÓM TÁC GIẢ	BỘ SÁCH	NHÀ XUẤT BẢN
1	Tiếng Việt Tập một	Nguyễn Thị Ly Kha ( <i>Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Thu Huyền, Trịnh Cam Ly, Phạm Thị Kim Oanh, Bùi Thanh Truyền, Nguyễn Thị Xuân Yến.	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Tiếng Việt Tập hai	Nguyễn Thị Ly Kha ( <i>Chủ biên</i> ), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trịnh Cam Ly, Nguyễn Lương Hải Như, Phạm Thị Kim Oanh, Bùi Thanh Truyền, Nguyễn Thị Xuân Yến.		
2	Toán Tập một	Trần Nam Dũng ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Khúc Thành Chính ( <i>Chủ biên</i> ), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang.	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Toán Tập hai			
3	Đạo đức	Trần Thanh Bình, Đinh Phương Duy, Phạm Quỳnh ( <i>Đồng Chủ biên</i> ), Trần Thị Thùy Dung, Nguyễn Hà My, Lâm Hồng Lãm Thúy, Nguyễn Huyền Trang, Lê Phương Trí.	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội	Đỗ Xuân Hội ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Thu Hằng ( <i>Chủ biên</i> ), Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thị Thu Hiền, Lý Khánh Hoa, Mai Thị Kim	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

		Phượng.		Nam
5	Giáo dục Thể chất	Phạm Thị Lệ Hằng (Chủ biên), Bùi Ngọc Bích, Lê Hải, Nguyễn Đình Phát, Trần Minh Tuấn.	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc	Hồ Ngọc Khải, Lê Anh Tuấn (Đồng Tổng Chủ biên), Đặng Châu Anh (Chủ biên), Lương Diệu Ánh, Nguyễn Đăng Bửu, Trần Ngọc Hưng, Nguyễn Mai Kiên, Hà Thị Thư, Trịnh Mai Trang, Tô Ngọc Tú, Lâm Đức Vinh.	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Mĩ thuật	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (Đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng Minh Phúc (Đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Vũ Đức Long, Nguyễn Ánh Phương Nam, Lâm Yên Như, Phạm Văn Thuận, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm	Phó Đức Hòa, Vũ Quang Tuyên (Đồng Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Tâm, Đinh Thị Kim Thoa (Đồng Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Nguyễn Thị Bích Liên, Nguyễn Thị Hà Liên, Vũ Phương Liên, Nguyễn Hà My, Lại Thị Yên Ngọc, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Huyền Trang, Trần Thị Quỳnh Trang, Lê Phương Trí.	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Nguyễn Bích Thủy, Nguyễn Quốc Tuấn.		Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

**c) Đối với lớp 3 :**

STT	MÔN	NHÓM TÁC GIẢ	BỘ SÁCH	NHÀ XUẤT BẢN
1	Tiếng Việt Tập một	Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (Đồng Chủ biên), Trần Văn Chung, Phạm Thị Kim Oanh, Bùi Thanh Truyền.	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Tiếng Việt Tập hai	Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (Đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Huyền, Phạm Kim Bích Loan, Phạm Thị Kim Oanh, Bùi Thanh Truyền.		
2	Toán Tập một	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Khúc Thành Chính (Chủ biên), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang.	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Toán Tập hai			
3	Đạo đức	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Mai Mỹ Hạnh, Phạm Quỳnh (Đồng Chủ biên), Lê Quỳnh Chi, Trần Thị Thùy Dung, Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Vân Hương, Giang Thiên Vũ.	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội	Đỗ Xuân Hội (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng (Chủ biên), Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thị Thu Hiền, Lý Khánh Hoa, Mai Thị Kim	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt



		Phượng, Trần Thanh Sơn.		Nam
5	Giáo dục Thể chất	Phạm Thị Lệ Hằng (Chủ biên), Bùi Ngọc Bích, Lê Hải, Trần Minh Tuấn.	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc	Hồ Ngọc Khải, Lê Anh Tuấn (Đồng Tổng Chủ biên), Đặng Châu Anh (Chủ biên), Nguyễn Đăng Bửu, Trịnh Mai Trang, Tô Ngọc Tú, Lâm Đức Vinh.	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Mĩ thuật	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (Đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận.	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm	Phó Đức Hoà, Vũ Quang Tuyên (Đồng Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Tâm (Đồng Chủ biên), Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhàn, Nguyễn Huyền Trang.	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Tin học	Quách Tất Kiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Thị Quỳnh Anh (Đồng Chủ biên), Đỗ Minh Hoàng Đức, Lê Tấn Hồng Hải, Trịnh Thanh Hải, Nguyễn Minh Thiên Hoàng, Nguyễn Thị Hồng Nhung.	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Lương, Lê Thị Mỹ Nga, Đoàn Thị Ngân.	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Tiếng Anh	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.		Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

**d) Đối với lớp 4:**

STT	MÔN	NHÓM TÁC GIẢ	BỘ SÁCH	NHÀ XUẤT BẢN
1	Tiếng Việt Tập một	Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (đồng Chủ biên), Vũ Thị Ân, Trần Văn Chung, Phạm Thị Kim Oanh, Hoàng Thụy Thanh Tâm.	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Tiếng Việt Tập hai			
2	Toán Tập một	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ Biên) Khúc Thành Chính (Chủ biên), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức, Đậu Thị Huế, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang.	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Toán Tập hai			
3	Đạo đức	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Mai Mỹ Hạnh (Chủ biên), Trần Thanh Dur, Nguyễn Thanh Huân, Lâm Thị Kim Liên, Giang Thiên Vũ.	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Khoa học	Đỗ Xuân Hội (Tổng Chủ biên); Nguyễn Thị Thanh Thủy (Chủ biên), Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thanh Sơn.	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt

				Nam
5	Lịch sử và Địa lí	Nguyễn Trà My, Phạm Đỗ Văn Trung (đồng Chủ biên), Nguyễn Khánh Băng, Trần Thị Ngọc Hân, Nguyễn Chí Tuấn.	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục Thể chất	Phạm Thị Lệ Hằng (Chủ biên), Bùi Ngọc Bích, Lê Hải, Trần Minh Tuấn.	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc	Hồ Ngọc Khải, Lê Anh Tuấn (đồng Tổng Chủ biên), Đặng Châu Anh (Chủ biên), Hà Thị Thư, Nguyễn Đình Tình, Trịnh Mai Trang, Tô Ngọc Tú, Lâm Đức Vinh.	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Mĩ thuật	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Hoạt động trải nghiệm	Phó Đức Hoà (Tổng Chủ biên); Bùi Ngọc Diệp, (Chủ biên), Lê Thị Thu Huyền, Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Hữu Tâm, Nguyễn Huyền Trang.	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Tin học	Quách Tất Kiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Thị Quỳnh Anh (đồng Chủ biên), Đỗ Minh Hoàng Đức, Lê Tấn Hồng Hải, Trịnh Thanh Hải, Nguyễn Minh Thiên Hoàng, Đỗ Thị Ngọc Quỳnh	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Công nghệ	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Hồng Chiêm, Lê Thị Mỹ Nga, Đoàn Thị Ngân.	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên); Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.		Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

**đ) Đối với lớp 5:**

STT	MÔN	NHÓM TÁC GIẢ	BỘ SÁCH	NHÀ XUẤT BẢN
1	Tiếng Việt Tập một	Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (đồng Chủ biên), Vũ Thị Ân, Trần Văn Chung, Phạm Thị Kim Oanh, Hoàng Thụy Thanh Tâm.	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Tiếng Việt Tập hai	Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (đồng Chủ biên), Vũ Thị Ân, Trần Văn Chung, Phạm Thị Kim Oanh, Hoàng Thụy Thanh Tâm.		
2	Toán	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Khúc Thành Chính (Chủ biên), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức, Đậu Thị Huế, Đinh Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang.	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Mai Mỹ Hạnh (Chủ biên), Trần Thanh Dư, Nguyễn Thanh	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

STT	MÔN	NHÓM TÁC GIẢ	BỘ SÁCH	NHÀ XUẤT BẢN
		Huân, Lâm Thị Kim Liên, Giang Thiên Vũ.		dục Việt Nam
4	Khoa học	Đỗ Xuân Hội (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Thủy (Chủ biên), Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thanh Sơn.	<b>Chân trời sáng tạo</b>	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lí	Nguyễn Trà My, Phạm Đỗ Văn Trung (đồng Chủ biên), Nguyễn Khánh Băng, Trần Thị Ngọc Hân, Trần Văn Nhân, Nguyễn Chí Tuấn.	<b>Chân trời sáng tạo</b>	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục Thể chất	Phạm Thị Lệ Hằng (Chủ biên), Bùi Ngọc Bích, Lê Hải, Trần Minh Tuấn.	<b>Chân trời sáng tạo</b>	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc	Hồ Ngọc Khải, Lê Anh Tuấn (đồng Tổng Chủ biên), Đặng Châu Anh (Chủ biên), Hà Thị Thu, Nguyễn Đình Tinh, Tô Ngọc Tú, Lâm Đức Vinh.	<b>Chân trời sáng tạo</b>	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Mĩ thuật	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.	<b>Chân trời sáng tạo</b>	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Hoạt động trải nghiệm	Phó Đức Hòa (Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp (Chủ biên), Lê Thị Thu Huyền, Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Hữu Tâm, Nguyễn Huyền Trang.	<b>Chân trời sáng tạo</b>	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Tin học	Quách Tất Kiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Thị Quỳnh Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Nhật Minh Đăng, Lê Tấn Hồng Hải, Trịnh Thanh Hải.	<b>Chân trời sáng tạo</b>	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Công nghệ	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Hồng Chiém, Lê Thị Mỹ Nga, Lê Thị Xinh.	<b>Chân trời sáng tạo</b>	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Quốc Tuấn.		Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

### III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025

#### 1. Mục tiêu chung

- Thực hiện chủ đề của năm học 2024-2025: “*Kỷ cương trách nhiệm, đổi mới không ngừng, nâng cao chất lượng*”.

- Triển khai sáng tạo, có hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; cuộc vận động “*Mỗi thầy, cô giáo là một tấm*

giương đạo đức, tự học và sáng tạo” và phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

- Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (CTGDPT 2018).

- Chú trọng đảm bảo cơ sở vật chất (CSVCh), thiết bị dạy học; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

- Tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên (GV) và cán bộ quản lý (CBQL); tham mưu lãnh đạo các cấp tuyển dụng, bồi dưỡng để có đủ GV, bảo đảm chất lượng dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo Chương trình GDPT cấp tiểu học; Triển khai hiệu quả công tác đánh giá và bồi dưỡng thường xuyên GV, CBQL theo các chuẩn quy định.

- Thực hiện hiệu quả chuyển đổi số, đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỉ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong nhà trường.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc đẩy mạnh thực hiện các nội dung của Chỉ số hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) trong lĩnh vực GDĐT tại đơn vị; Kế hoạch phát triển giáo dục đến năm 2025; Tổ chức thực hiện nội dung Giáo dục địa phương (GDĐP); Chủ động triển khai nội dung giáo dục STEM/STEAM; Tăng cường huy động nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ năm học.

- Khai thác, sử dụng sách giáo khoa (SGK), các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; Vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh (HS). Phát động, tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học.

- Tổ chức triển khai nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 bảo đảm an toàn trường học và chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch năm học.

- Giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

- Tổ chức dạy học và kiểm tra kết quả học tập của học sinh theo yêu cầu cần đạt và chuẩn kiến thức, kĩ năng; tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, thực hiện tích hợp trong dạy học các môn học; đổi mới cách đánh giá học sinh; chú trọng giáo dục đạo đức, kĩ năng sống cho học sinh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý. Tiếp tục triển khai các biện pháp giảm tỉ lệ học sinh lưu bản, bỏ học; đánh giá đúng chất lượng giáo dục của đơn vị. Duy trì phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, trường chuẩn quốc gia và nâng cao hiệu quả của việc dạy học 2 buổi/ngày.

- Tiếp tục giáo dục học sinh đạt Sen hồng hướng tới ”*Tự tin, Tự lực, Biệt phần biệt, Gắn kết thực tiễn, Định hướng tương lai*” theo chủ trương của Sở Giáo dục và Đào tạo.

## 2. Chỉ tiêu cụ thể

### 2.1. Chỉ tiêu huy động học sinh ra lớp, duy trì sĩ số học sinh, phổ cập giáo dục tiểu học

- Tổ chức thực hiện công tác Phổ cập giáo dục tiểu học-Chống mù chữ và duy trì phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 3.

- Phối hợp với các ban ngành, đoàn thể địa phương đẩy mạnh công tác điều tra, huy động 100% trẻ em 6 tuổi trên địa bàn tuyển sinh vào lớp 1 và học sinh từ lớp 2 đến lớp 5 ra lớp đạt 100%.

### 2.2. Chỉ tiêu về các phẩm chất, năng lực học sinh

#### - Khối lớp 1:

Phẩm chất/ năng lực	TSHS	Khối 1						Ghi chú
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	
Yêu nước	177	177	100,0	0	0,0	0	0	PC
Nhân ái	177	177	100,0	0	0,0	0	0	PC
Chăm chỉ	177	177	100,0	0	0,0	0	0	PC
Trung thực	177	177	100,0	0	0,0	0	0	PC
Trách nhiệm	177	177	100,0	0	0,0	0	0	PC
Tự chủ và tự học	177	172	97,2	5	2,8	0	0	NLC
Giao tiếp và hợp tác	177	172	97,2	5	2,8	0	0	NLC
GQVĐ và sáng tạo	177	172	97,2	5	2,8	0	0	NLC
Ngôn ngữ	177	172	97,2	5	2,8	0	0	NLĐT
Tính toán	177	174	98,3	3	1,7	0	0	NLĐT
Khoa học	177	172	97,2	5	2,8	0	0	NLĐT
Thẩm mỹ	177	169	95,5	8	4,5	0	0	NLĐT
Thể chất	177	167	94,4	10	5,6	0	0	NLĐT

#### - Khối 2

Phẩm chất/ năng lực	TSHS	Khối 2						Ghi chú
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	
Yêu nước	191	191	100,0	0	0,0	0	0	PC
Nhân ái	191	191	100,0	0	0,0	0	0	PC
Chăm chỉ	191	191	100,0	0	0,0	0	0	PC
Trung thực	191	191	100,0	0	0,0	0	0	PC
Trách nhiệm	191	191	100,0	0	0,0	0	0	PC
Tự chủ và tự học	191	189	99,0	2	1,0	0	0	NLC

Giao tiếp và hợp tác	191	187	97,9	4	2,1	0	0	NLC
GQVĐ và sáng tạo	191	187	97,9	4	2,1	0	0	NLC
Ngôn ngữ	191	187	97,9	4	2,1	0	0	NLĐT
Tính toán	191	189	99,0	2	1,0	0	0	NLĐT
Khoa học	191	189	99,0	2	1,0	0	0	NLĐT
Thâm mĩ	191	181	94,8	10	5,2	0	0	NLĐT
Thể chất	191	189	99,0	2	1,0	0	0	NLĐT

### - Khối 3

Phẩm chất/ năng lực	TSHS	Khối 3						Ghi chú
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	
Yêu nước	209	209	100,0	0	0,0	0	0	PC
Nhân ái	209	209	100,0	0	0,0	0	0	PC
Chăm chỉ	209	209	100,0	0	0,0	0	0	PC
Trung thực	209	209	100,0	0	0,0	0	0	PC
Trách nhiệm	209	209	100,0	0	0,0	0	0	PC
Tự chủ và tự học	209	207	99,0	2	1,0	0	0	NLC
Giao tiếp và hợp tác	209	203	97,1	6	2,9	0	0	NLC
GQVĐ và sáng tạo	209	203	97,1	6	2,9	0	0	NLC
Ngôn ngữ	209	185	88,5	24	11,5	0	0	NLĐT
Tính toán	209	187	89,5	22	10,5	0	0	NLĐT
Khoa học	209	209	100,0	0	0,0	0	0	NLĐT
Công nghệ	209	177	84,7	32	15,3	0	0	NLĐT
Tin học	209	177	84,7	32	15,3	0	0	NLĐT
Thâm mĩ	209	188	90,0	21	10,0	0	0	NLĐT
Thể chất	209	203	97,1	6	2,9	0	0	NLĐT

### - Khối 4

Phẩm chất/ năng lực	TSHS	Khối 4						Ghi chú
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	
Yêu nước	180	180	100,0	0	0,0	0	0	PC
Nhân ái	180	180	100,0	0	0,0	0	0	PC
Chăm chỉ	180	180	100,0	0	0,0	0	0	PC
Trung thực	180	180	100,0	0	0,0	0	0	PC
Trách nhiệm	180	180	100,0	0	0,0	0	0	PC
Tự chủ và tự học	180	178	98,9	2	1,1	0	0	NLC
Giao tiếp và hợp tác	180	166	92,2	14	7,8	0	0	NLC
GQVĐ và sáng tạo	180	162	90,0	18	10,0	0	0	NLC

Ngôn ngữ	180	141	78,3	39	21,7	0	0	NLĐT
Tính toán	180	133	73,9	47	26,1	0	0	NLĐT
Khoa học	180	158	87,8	22	12,2	0	0	NLĐT
Công nghệ	180	148	82,2	32	17,8	0	0	NLĐT
Tin học	180	148	82,2	32	17,8	0	0	NLĐT
Thâm mĩ	180	150	83,3	30	16,7	0	0	NLĐT
Thể chất	180	168	93,3	12	6,7	0	0	NLĐT

### - Khối 5

Phẩm chất/ năng lực	TSHS	Khối 4						Ghi chú
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	
Yêu nước	205	205	100,0	0	0,0	0	0	PC
Nhân ái	205	205	100,0	0	0,0	0	0	PC
Chăm chỉ	205	205	100,0	0	0,0	0	0	PC
Trung thực	205	205	100,0	0	0,0	0	0	PC
Trách nhiệm	205	205	100,0	0	0,0	0	0	PC
Tự chủ và tự học	205	200	97,6	5	2,4	0	0	NLC
Giao tiếp và hợp tác	205	200	97,6	5	2,4	0	0	NLC
GQVĐ và sáng tạo	205	190	92,7	15	7,3	0	0	NLC
Ngôn ngữ	205	162	79,0	43	21,0	0	0	NLĐT
Tính toán	205	174	84,9	31	15,1	0	0	NLĐT
Khoa học	205	183	89,3	22	10,7	0	0	NLĐT
Công nghệ	205	170	82,9	35	17,1	0	0	NLĐT
Tin học	205	170	82,9	35	17,1	0	0	NLĐT
Thâm mĩ	205	167	81,5	38	18,5	0	0	NLĐT
Thể chất	205	190	92,7	15	7,3	0	0	NLĐT

### 2.3. Chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục

#### - Khối 1

TT	Môn học và hoạt động giáo dục	TSHS	Khối 1					
			HT tốt		Hoàn thành		Chưa HT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL
1.	Tiếng Việt	177	172	97,2	5	2,8	0	0
2.	Toán	177	174	98,3	3	1,7	0	0
3.	Ngoại ngữ 1 (TA)	177	165	93,2	12	6,8	0	0
4.	Đạo đức	177	175	98,9	2	1,1	0	0
5.	Tự nhiên và XH	177	172	97,2	5	2,8	0	0

6.	GD thể chất	177	167	94,4	10	5,6	0	0
7.	Âm nhạc	177	167	94,4	10	5,6	0	0
8.	Mĩ thuật	177	169	95,5	8	4,5	0	0
9.	HD trải nghiệm	177	172	97,2	5	2,8	0	0

**- Khối 2**

TT	Môn học và hoạt động giáo dục	TSHS	Khối 2					
			HT tốt		Hoàn thành		Chưa HT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL
1.	Tiếng Việt	191	187	97,9	4	2,1	0	0
2.	Toán	191	189	99,0	2	1,0	0	0
3.	Ngoại ngữ 1 (TA)	191	179	93,7	12	6,3	0	0
4.	Đạo đức	191	189	99,0	2	1,0	0	0
5.	Tự nhiên và XH	191	189	99,0	2	1,0	0	0
6.	GD thể chất	191	188	98,4	3	1,6	0	0
7.	Âm nhạc	191	184	96,3	7	3,7	0	0
8.	Mĩ thuật	191	185	96,9	6	3,1	0	0
9.	HD trải nghiệm	191	189	99,0	2	1,0	0	0

**- Khối 3**

TT	Môn học và hoạt động giáo dục	TSHS	Khối 3					
			HT tốt		Hoàn thành		Chưa HT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL
1.	Tiếng Việt	209	186	89,0	23	11,0	0	0
2.	Toán	209	188	90,0	21	10,0	0	0
3.	Ngoại ngữ 1 (TA)	209	183	87,6	26	12,4	0	0
4.	Đạo đức	209	209	100,0	0	0,0	0	0
5.	Tự nhiên và XH	209	209	100,0	0	0,0	0	0
6.	Tin học	209	178	85,2	31	14,8	0	0
7.	Công nghệ	209	178	85,2	31	14,8	0	0
8.	GD thể chất	209	203	97,1	6	2,9	0	0
9.	Âm nhạc	209	192	91,9	17	8,1	0	0
10.	Mĩ thuật	209	188	90,0	21	10,0	0	0
11.	HD trải nghiệm	209	209	100,0	0	0,0	0	0

**- Khối 4**

TT	Môn học và hoạt động giáo dục	TSHS	Khối 4					
----	-------------------------------	------	--------	--	--	--	--	--



	dục		HT tốt		Hoàn thành		Chưa HT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL
1.	Tiếng Việt	180	141	78,3	39	21,7	0	0
2.	Toán	180	133	73,9	47	26,1	0	0
3.	Ngoại ngữ 1 (TA)	180	145	80,6	35	19,4	0	0
4.	Đạo đức	180	176	97,8	4	2,2	0	0
5.	Lịch sử và Địa lí	180	160	88,9	20	11,1	0	0
6.	Khoa học	180	158	87,8	22	12,2	0	0
7.	Tin học	180	148	82,2	32	17,8	0	0
8.	Công nghệ	180	148	82,2	32	17,8	0	0
9.	GD thể chất	180	168	93,3	12	6,7	0	0
10.	Âm nhạc	180	163	90,6	17	9,4	0	0
11.	Mĩ thuật	180	150	83,3	30	16,7	0	0
12.	HD trải nghiệm	180	174	96,7	6	3,3	0	0

### - Khối 5

TT	Môn học và hoạt động giáo dục	TSHS	Khối 5					
			HT tốt		Hoàn thành		Chưa HT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL
1.	Tiếng Việt	205	162	79,0	43	21,0	0	0
2.	Toán	205	174	84,9	31	15,1	0	0
3.	Ngoại ngữ 1 (TA)	205	161	78,5	44	21,5	0	0
4.	Đạo đức	205	200	97,6	5	2,4	0	0
5.	Lịch sử và Địa lí	205	186	90,7	19	9,3	0	0
6.	Khoa học	205	183	89,3	22	10,7	0	0
7.	Tin học	205	170	82,9	35	17,1	0	0
8.	Công nghệ	205	170	82,9	35	17,1	0	0
9.	GD thể chất	205	190	92,7	15	7,3	0	0
10.	Âm nhạc	205	190	92,7	15	7,3	0	0
11.	Mĩ thuật	205	167	81,5	38	18,5	0	0
12.	HD trải nghiệm	205	204	99,5	1	0,5	0	0

### 2.4. Chỉ tiêu về kết quả giáo dục

TT	Khối/ Lớp	TSHS	Kết quả giáo dục							
			HT xuất sắc		HT tốt		Hoàn thành		Chưa HT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1.	Một	177	165	93,2	10	5,6	2	1,1	0	0
2.	Hai	191	180	94,2	5	2,6	6	3,1	0	0
3.	Ba	209	162	77,5	22	10,5	25	12,0	0	0
4.	Bốn	180	86	47,8	44	24,4	50	27,8	0	0
5.	Năm	205	70	34,1	84	41,0	51	24,9	0	0
<b>Tổng</b>		<b>962</b>	<b>663</b>	<b>68,9</b>	<b>165</b>	<b>17,2</b>	<b>134</b>	<b>13,9</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

- 100% số học sinh lớp 1, 2, 3, 4 hoàn thành chương trình lớp học; 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học.

**2.5. Tham gia các Hội thi, phong trào do Phòng GD, Sở GD và trường tổ chức.** Cụ thể:

a) Các Hội thi, cuộc thi chuyên môn:

- Ngày hội *Giao lưu học sinh tiểu học*: Phân đấu đứng đầu cấp huyện và tham gia cấp tỉnh.

- Hội thi *Giáo viên dạy giỏi cấp trường, huyện, tỉnh (dành cho giáo viên dạy lớp 1, lớp 2, lớp 3; giáo viên dạy môn học Tiếng Anh, Tin học)*: Ít nhất 01GV/Tổ chuyên môn, bộ môn.

- Hội thi *“Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh giỏi”*: Tổng phụ trách Đội tham gia.

- Các Cuộc thi/Hội thi/Giao lưu do Sở GDĐT, Bộ GDĐT tổ chức

Tham gia đầy đủ theo văn bản chỉ đạo của PGDĐT và các đơn vị liên quan.

b) Các Hội thi khuyến khích tham gia theo văn bản PGD:

- Hội thi *“Hùng biện Tiếng Anh cho học sinh tiểu học”*: Phân đấu đứng đầu cấp huyện và tham gia cấp tỉnh.

+ Hội thi *“Tin học trẻ”*: tham gia phân đấu đạt giải.

+ Hội thi *“Vẽ tranh cổ động tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh”*: Phân đấu đạt giải nhất cấp huyện và tham gia cấp tỉnh.

+ Ngày hội *“Vẽ tranh cổ động tuyên truyền sử dụng các bao bì thân thiện môi trường thay thế dần túi ni lông, các sản phẩm bao bì nhựa dùng một lần”*: Phân đấu đạt giải nhất cấp huyện và tham gia cấp tỉnh.

c) Các Cuộc thi, Hội thi khác:

- Cuộc thi *Sáng tạo Thanh thiếu niên Nhi đồng* huyện Lấp Vò: đạt giải cấp huyện.

- Hội thi *Viết chữ đẹp dành cho giáo viên và học sinh* (nếu có): tham gia và đạt danh hiệu.

- Hội thi *Văn nghệ học sinh Đất Sen hồng năm 2025*: Tham gia và đạt giải.

**d) Các hoạt động giáo dục (*Giải thể thao học sinh*):** Tổ chức cấp trường và tuyển chọn vận động viên tham gia cấp huyện. Cụ thể:

- + Bóng đá mi ni: Phân đấu đạt giải nhất (huy chương vàng).
- + Đá cầu, cờ vua, bơi lội, điền kinh, bóng bàn,.....: Mỗi độ tuổi (nhóm tuổi), mỗi nội dung thi đều có học sinh tham dự và có ít nhất 01 học sinh đạt từ giải Ba (Huy chương đồng) trở lên.

#### **IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG NĂM HỌC**

**1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục ([Phụ lục 1.1](#))**

**2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học**

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học ([Phụ lục 1.2](#))

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường ([Phụ lục 1.3](#))

**3. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2024 - 2025 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục**

- **Ngày tựu trường:**

+ Khối 1: ngày 22/8/2024

+ Khối 2, 3, 4, 5: ngày 29/8/2024

- **Tổ chức hoạt động Sinh hoạt học đường:** Từ ngày 29 đến ngày 31 tháng 8 năm 2024.

- **Ngày khai giảng:** Lúc 07 giờ 30, ngày 05/9/2024.

- **Ngày bắt đầu và kết thúc các học kỳ, kết thúc năm học:**

+ Học kỳ I: Bắt đầu từ ngày 05 tháng 9 năm 2024, kết thúc trước ngày 18 tháng 01 năm 2025 (gồm thời gian thực học, kiểm tra cuối học kỳ và tổ chức các hoạt động giáo dục khác).

+ Học kỳ II: Bắt đầu từ sau khi kết thúc học kỳ I, hoàn thành kế hoạch giáo dục trước ngày 31 tháng 5 năm 2025 (gồm thời gian thực học, kiểm tra cuối học kỳ và tổ chức các hoạt động giáo dục khác).

- **Kết thúc năm học:** Trước ngày 31 tháng 5 năm 2025.

- **Hoàn thành tuyển sinh lớp 1 trước ngày 31 tháng 7 năm 2025.**

- **Tại trường Tiểu học Thị trấn Lập Vò 1 thời gian thực hiện chương trình năm học 2024 - 2025 cụ thể như sau:**

**3.1. Đối với khối lớp 1**

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học ([Phụ lục 1.4 Khối 1](#))

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1 ([Phụ lục 2\\_Khối 1](#))

**3.2. Đối với khối lớp 2**

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. ([Phụ lục 1.4 Khối 2](#))

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 2 ([Phụ lục 2\\_Khối 2](#))

### **3.3. Đối với khối lớp 3**

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học ([Phụ lục 1.4 Khối 3](#))

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 3 ([Phụ lục 2\\_Khối 3](#))

### **3.4. Đối với khối lớp 4**

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học ([Phụ lục 1.4 Khối 4](#))

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 4 ([Phụ lục 2\\_Khối 4](#))

### **3.5. Đối với khối lớp 5**

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học ([Phụ lục 1.4 Khối 5](#))

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 5 ([Phụ lục 2\\_Khối 5](#))

## **V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học**

- Tiếp tục tham mưu về cơ sở vật chất, trang thiết bị tại cơ sở mới đáp ứng yêu cầu giảng dạy, quản lý.

- Tham mưu xin chủ trương xây dựng mái che nắng cho học sinh ngồi chào cờ và học thể dục.

- Kiểm tra, rà soát, bổ sung thiết bị dạy học từng khối lớp, bổ sung các đầu sách cần thiết cho thư viện, trang bị thêm các thiết bị công nghệ đáp ứng nhu cầu giảng dạy và nâng cao tay nghề của giáo viên bằng nguồn kinh phí ngân sách và xã hội hoá.

- Trồng cây xanh trong trường theo sơ đồ, sau các phòng học tầng trệt, quy hoạch khu vườn trường, xây dựng các khoảng không gian tổ chức các hoạt động trải nghiệm và giáo dục cho học sinh, cụ thể: Phân công các lớp học phụ trách khu vực trồng và chăm sóc cây xanh, hoa kiểng...

- Tạo cảnh quang sư phạm, xanh hoá phòng học, phòng làm việc, thực hiện các tiêu chí “Trường học an toàn – hạnh phúc”, “Trường Xanh-Sạch-Đẹp”, “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”: Phân công giáo viên và học sinh thực hiện trong phòng học, giữ sạch lớp học, mảng tường không bị bẩn; khuôn viên ngoài phòng học do đội ngũ thầy, cô giáo và học sinh cùng tham gia.

- Nhà trường tranh thủ tối đa các nguồn đóng góp, ủng hộ tiếp tục xanh hoá lớp học, màn che để tạo mỹ quan cho ngôi trường mới.

## **2. Thực hiện công tác đội ngũ đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 - 2025**

- Phối hợp với các đoàn thể vận động và tạo điều kiện cho giáo viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Biểu dương những giáo viên vượt khó học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm.

- Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn thi đua trong đơn vị nhằm đánh giá chính xác việc phân đấu hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc trong năm học.

- Tiếp tục bồi dưỡng đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đảm bảo đạt hiệu quả cao.

- Cử đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý tham gia tập huấn, bồi dưỡng có hiệu quả về thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đặc biệt đối với đội ngũ giáo viên dạy lớp 5 năm học 2024 – 2025.

- Thực hiện nghiêm túc và chặt chẽ việc đánh giá, xếp loại đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các trường tiểu học theo Quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

### **3. Thực hiện quy chế chuyên môn**

- Đẩy mạnh tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài dạy theo Hướng dẫn số 648/SGDDĐT-GDTH, ngày 9 tháng 6 năm 2020 của Sở GDĐT về Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn cấp tiểu học kể từ năm 2020 – 2021, đa dạng hoá nội dung, hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn, kịp thời hỗ trợ và tháo gỡ những khó khăn của giáo viên trong giảng dạy đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018.

- Tổ chức hội thi, phong trào trong giáo viên, tạo nguồn và tham gia các cấp.

- Phối hợp công đoàn phát động các cá nhân trong đơn vị viết sáng kiến kinh nghiệm, đảm bảo mỗi giáo viên đều phải có sáng kiến trong quá trình giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và giáo dục học sinh.

- Hàng tháng nhà trường họp liên tịch đánh giá công tác nhà trường; xây dựng kế hoạch tháng, tuần. Tổ trưởng sắp xếp lịch dự giờ trong tổ và hạn chế tối đa bỏ tiết dạy, sau từng tiết dạy, tiến hành rút kinh nghiệm đánh giá cụ thể để tìm ra những ưu điểm để phát huy và chỉ ra những hạn chế cần khắc phục; tư vấn thúc đẩy về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức lớp học cho giáo viên trực tiếp dạy cũng như giáo viên dự giờ trong và ngoài tổ.

- Trong năm học, mỗi giáo viên đều đăng ký dạy để đồng nghiệp dự giờ trao đổi, chia sẻ chuyên môn đồng thời chủ động, tích cực trong dự tiết dạy thao giảng, hội giảng của đồng nghiệp nhằm đúc rút kinh nghiệm.

- Giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học và tải lên hệ thống VnEdu, bộ phận chuyên môn<sup>1</sup> xem xét phê duyệt kế hoạch dạy học đảm bảo chất lượng, phù hợp đối tượng học sinh lớp học; truy cập internet để tham khảo những thông tin bổ trợ, trợ giúp giảng dạy; tiếp tục duy trì việc soạn bài giảng sử dụng PowerPoint để hỗ trợ bài dạy.

---

<sup>1</sup> Tổ trưởng chuyên môn, Phó Hiệu trưởng chuyên môn.

#### 4. Tăng cường nâng cao chất lượng giáo dục

- Giáo viên tích cực đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh theo hướng phát huy phẩm chất, năng lực người học. Từng bước thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và các hoạt động giáo dục.

- Tổ chức hiệu quả dạy học 2 buổi/ngày đáp ứng nhu cầu phát triển của học sinh. Dạy học tiếng Anh tăng cường giáo viên người nước ngoài.

- Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, tổ chức triển khai bồi dưỡng học sinh năng khiếu, kèm cặp học sinh còn khó khăn trong học tập, hỗ trợ học sinh khuyết tật học hoà nhập.

- Định kỳ hằng tháng, cán bộ quản lý, các tổ trưởng chuyên môn thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình và kết quả kèm cặp học sinh còn khó khăn trong học tập, học sinh khuyết tật học hoà nhập, kịp thời hỗ trợ giáo viên thực hiện có hiệu quả công tác này<sup>2</sup>.

- Thực hiện có hiệu quả chủ trương “Dạy thật – Học thật – Chất lượng thật”, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động giáo dục của đơn vị.

- Tiếp tục thực hiện “Nói không với văn mẫu” giáo viên quan tâm phát huy khả năng sáng tạo của học sinh, không áp đặt rập khuôn. Đối với phân môn Tập làm văn, giáo viên tuyệt đối không dạy học sinh theo khuôn mẫu dẫn đến các em thiếu tư duy, không rèn được cho các em kỹ năng sử dụng Tiếng Việt.

- Vận động, huy động 100% trẻ khuyết tật trên địa bàn đến lớp theo hình thức giáo dục hoà nhập; nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật và xây dựng, triển khai thực hiện Kế hoạch giáo dục người khuyết tật tại đơn vị. Bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục hòa nhập; tăng cường tuyên truyền trong đội ngũ CBQL, GV về vấn đề giáo dục hòa nhập, trong đó HS học hòa nhập được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân; tùy theo dạng tật, mức độ khuyết tật mà HS được miễn một phần, một số nội dung, một số môn học với mục tiêu giúp HS khuyết tật được tương tác cùng bạn bè, các em hòa nhập và yêu cuộc sống. Tham mưu với các cấp có thẩm quyền để thực hiện đầy đủ các chính sách đối với GV trực tiếp giảng dạy HS khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập và đối với các CSGD có HS khuyết tật học hòa nhập. Các đơn vị tham mưu UBND cấp xã chỉ đạo cơ sở Y tế phối hợp các trường học tổ chức khám sàng lọc và xác định dạng tật cho HS khuyết tật học hòa nhập để có biện pháp giáo dục hợp lý. Thực hiện **các văn bản<sup>3</sup> quy phạm pháp luật về giáo dục người khuyết tật, HS khuyết tật và chế độ chính sách<sup>4</sup> và các văn bản có liên quan<sup>5</sup>.**

<sup>2</sup> Thể hiện ở kế hoạch dạy học giáo dục, cá nhân.

<sup>3</sup> Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021 - 2030; Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Bộ GDĐT Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật; Thông tư số 15/2019/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ GDĐT ban hành Quy định chuẩn quốc gia về chữ nổi Braille cho người khuyết tật và Thông tư số 17/2020/TTBGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Bộ GDĐT ban hành Quy định Chuẩn quốc gia về ngôn ngữ kí hiệu cho người khuyết tật.

<sup>4</sup> Thực hiện Công văn số 143/SGDĐT-GDTH ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục hòa nhập HS khuyết tật kể từ năm học 2017 - 2018; Kế hoạch số 74/KH-SGDĐT ngày 21 tháng 6 năm 2021 về thực hiện chương trình trợ giúp người khuyết tật trong các CSGD mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn

- Nhà trường thực hiện tốt chế độ hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh thuộc diện hộ nghèo về thu nhập thấp, giáo dục,...theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức hội nghị, triển khai thực hiện giáo dục STEM/STEAM theo CTGDPT 2018 bảo đảm chất lượng và yêu cầu theo quy định, tổ chức hội nghị chuyên đề, đánh giá, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm. Bố trí nguồn kinh phí, trang bị CSVC để bảo đảm thực hiện hiệu quả giáo dục STEM/STEAM phù hợp với điều kiện của địa phương theo quy định; thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của CBQL, GV, HS, CMHS về vai trò của giáo dục STEM/STEAM; tăng cường giáo dục Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật, Toán học (STEM) tích hợp một số môn học/hoạt động giáo dục có trong CT vào STEM giúp mở rộng, nâng cao hiệu quả của giáo dục thực hành và hợp tác theo nhiều cách khác nhau, thúc đẩy tính sáng tạo, trí tò mò và sự thấu cảm của HS.

### **5. Đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh**

- Thực hiện đánh giá học sinh theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 09 năm 2020 của Bộ Giáo dục Đào tạo về việc Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học. Cần chú ý đến việc đánh giá 5 phẩm chất, các năng lực cốt lõi (3 năng lực chung và 7 năng lực đặc thù). Đánh giá mức độ hoàn thành bài học, môn học. Đảm bảo việc đánh giá thường xuyên với việc đánh giá định kỳ. Trong kiểm tra đánh giá chú ý đến mức độ hoàn thành bài học đối với tất cả học sinh. Đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá bằng hồ sơ học tập; vở học tập; đánh giá qua việc quan sát, hỏi đáp và viết.

- Cụ thể:

+ Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn tiếp tục bồi dưỡng nâng cao năng lực đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì, năng lực ra đề kiểm tra định kỳ cho giáo viên.

+ Phụ trách chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ, chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng ma trận, giáo viên ra đề theo ma trận đã được xây dựng. Đề kiểm tra đảm bảo yêu cầu theo các mức độ; Kết hợp giữa tự luận và trắc nghiệm khách quan, đảm bảo sự phù hợp đối tượng học sinh theo từng khối lớp.

+ Đề xuất với Hiệu trưởng khen thưởng học sinh đúng thực chất theo Thông tư, Hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và văn bản chỉ đạo của Sở Giáo dục-Đào tạo Đồng Tháp.

+ Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn thông qua dự giờ thăm lớp kiểm tra việc đánh giá học sinh của mỗi giáo viên để hỗ trợ, tư vấn nâng cao năng lực cho giáo viên về kỹ thuật đánh giá thường xuyên. Việc kiểm tra, đánh giá nhằm mục đích biết học sinh học như thế nào, có biết vận dụng kiến thức và thực tiễn

không để giáo viên chủ động điều chỉnh phương pháp dạy học linh hoạt, hiệu quả hơn; thúc đẩy sự tiến bộ của học sinh về năng lực và phẩm chất.

+ Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm quản lý kết quả giáo dục và học tập của học sinh để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho giáo viên quan tâm đến học sinh và đổi mới phương pháp dạy học.

+ Thực hiện công tác bàn giao chất lượng giáo dục cuối năm học và học sinh lớp dưới lên lớp trên một cách khoa học, nghiêm túc theo quy định.

## **6. Đổi mới công tác quản trị nhà trường**

- Đổi mới công tác quản trị trường học, phát huy vai trò chủ động, linh hoạt, sáng tạo của đội ngũ CBQL, GV, NV trong thực hiện nhiệm vụ năm học.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, các phần mềm phục vụ công tác quản lý, tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục: cơ sở dữ liệu, sổ liên lạc điện tử, họp trực tuyến, tập huấn trực tuyến, dạy học trực tuyến, bài giảng điện tử, kỹ thuật soi bài, nhóm Zalo chung trao đổi công việc,...

- Khuyến khích CBQL, GV tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện, phê duyệt và lưu trữ hồ sơ sổ sách chuyên môn của GV.

- Tạo môi trường làm việc lành mạnh, thân thiện, đảm bảo mọi chế độ chính sách, động viên khen thưởng kịp thời đối với CBQL, GV, NV.

## **7. Tổ chức kiểm tra, giám sát**

Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát đột xuất, định kỳ nhằm phát hiện, điều chỉnh kịp thời những cá nhân chưa thực hiện đúng kế hoạch đề ra. Ngoài ra, qua kiểm tra, giám sát để rút kinh nghiệm trong việc điều chỉnh, bổ sung nhằm hoàn thiện kế hoạch giáo dục nhà trường kịp thời để nâng cao hiệu quả công tác giáo dục của nhà trường.

# **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

## **1. Hiệu trưởng**

- Xây dựng kế hoạch chỉ đạo hoạt động giáo dục và điều hành chung mọi công việc của đơn vị.

- Sắp xếp biên chế, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong đơn vị theo vị trí việc làm.

- Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức dạy, ký hợp đồng liên kết với Công ty trong việc giảng dạy Tiếng Anh giáo viên người nước ngoài.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục.

- Chỉ đạo phân công tổ chức các hoạt động, hội thi và sinh hoạt chuyên môn trong năm học.

- Quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.

- Chỉ đạo việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, kiểm tra đánh giá. Tham gia sinh hoạt chuyên môn tổ khối kịp thời điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp đặc thù của địa phương.



- Phân bổ tài chính hợp lý cho các hoạt động theo nguồn ngân sách cấp trên giao hằng năm.

Ngoài ra còn quản lý, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các hoạt động khác theo Điều lệ trường tiểu học.

## **2. Phó Hiệu trưởng**

- Xây dựng kế hoạch chung cho hoạt động chuyên môn theo kế hoạch hoạch định của nhà trường.

- Xây dựng thời khoá biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường để đảm bảo dạy học ít nhất 9 buổi/ tuần. Thời khoá biểu phải đảm bảo ưu tiên người học không gây quá tải cho học sinh.

- Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh khó khăn về học tập, sinh hoạt chuyên môn và các hoạt động khác có liên quan đến hoạt động giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn giáo viên, tham gia các phong trào hội thi.

- Quản lý chuyên môn theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo cấp trường về dạy học các môn học; đổi mới phương pháp theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

- Hàng tháng họp thống nhất các nội dung chuyên môn với các tổ. Kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá, bàn giao học sinh; tổ chức cho các tổ xây dựng ma trận, duyệt ma trận các khối lớp, môn học; ra đề kiểm tra định kì, đánh giá, xếp loại học sinh theo Thông tư của Bộ Giáo dục-Đào tạo. Đánh giá kết quả giáo dục của các tổ.

- Duyệt tất cả các kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các cuộc Hội thảo, chuyên đề do tổ chuyên môn tổ chức trong năm học.

## **3. Tổ trưởng chuyên môn**

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục tổ chuyên môn phù hợp với tổ và đảm bảo theo kế hoạch giáo dục của nhà trường.

- Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn thường xuyên theo đúng quy định tập trung sinh hoạt chuyên đề và sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Đặc biệt chú ý đến nội dung đổi mới phương pháp dạy học và việc lựa chọn nội dung dạy học, những vấn đề vướng mắc trong thực hiện chương trình.

- Thực hiện công tác thăm lớp dự giờ, góp ý rút kinh nghiệm các giờ dạy và thực hiện bồi dưỡng giáo viên của tổ.

- Thực hiện công tác kiểm tra đánh giá các hoạt động chuyên môn theo phân công.

- Tổ chức cho giáo viên xây dựng ma trận, ra đề kiểm tra định kì, đánh giá, xếp loại học sinh theo Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổng hợp báo cáo kết quả giáo dục của tổ theo kế hoạch chuyên môn.

- Phối hợp tổ chức các hoạt động Giáo dục NGLL, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động khác.

#### **4. Giáo viên dạy lớp**

- Căn cứ kế hoạch của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân thực hiện; chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng, đảm bảo thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, chất lượng của lớp, môn giảng dạy.

- Kết hợp với các giáo viên, Tổng phụ trách Đội tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động trải nghiệm theo kế hoạch đề ra.

- Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên môn của tổ, của trường để trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ.

- Sẵn sàng đề xuất những nội dung cần thiết, liên quan đến việc tổ chức dạy học và các hoạt động khác với nhà trường để mang lại hiệu quả tốt nhất cho đơn vị.

- Quản lí học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động chuyên môn theo quy định.

- Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục lớp mình phụ trách.

- Tích cực học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia các hoạt động chuyên môn của tổ, của trường. Tăng cường thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất HS. Tìm tòi, nghiên cứu và vận dụng có hiệu quả các nội dung chuyên môn được tập huấn, bồi dưỡng vào quá trình dạy học. Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động dạy học và hồ sơ sổ sách cá nhân.

#### **5. Tổng phụ trách Đội**

- Căn cứ kế hoạch của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân thực hiện nhằm đảm bảo đạt kết quả cao.

- Kết hợp với phó hiệu trưởng, các bộ phận và giáo viên dạy lớp xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, chủ yếu là tổ chức buổi chào cờ đầu tuần. Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường và các yếu tố liên quan để chủ động tham mưu với lãnh đạo nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm theo chủ đề với quy mô toàn trường và triển khai thực hiện có hiệu quả theo chủ điểm hoặc các ngày lễ lớn trong năm.

- Phối hợp với GV chủ nhiệm, gia đình học sinh và các tổ chức xã hội liên quan để tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường.

#### **6. Nhân viên thư viện - thiết bị**

- Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học, đồng thời góp phần triển khai Kế hoạch giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả.

- Phối hợp với GV chủ nhiệm, GV phụ trách môn học triển khai thực hiện Kế hoạch giáo dục của nhà trường có liên quan đến thư viện, thiết bị.

- Tham mưu với Ban giám hiệu để đầu tư trang thiết bị dạy học, sách giáo khoa, sách giáo viên nhằm trang bị đầy đủ cho giáo viên giảng dạy và học sinh có đủ sách để học (nhất là những học sinh nghèo).

- Bảo quản thiết bị và tài liệu giảng dạy của giáo viên, sách dành cho học sinh một cách chu đáo để có thể sử dụng lâu dài, tiết kiệm.

### **7. Nhân viên kế toán**

Tham mưu với Hiệu trưởng để dự toán kinh phí tổ chức các hoạt động theo kế hoạch đề ra đảm bảo đúng với quy định tài chính hiện hành.

## **VII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

- Hàng tháng, các bộ phận chuyên môn sơ kết công tác tháng và lập kế hoạch cho tháng tới; thực hiện báo cáo học kỳ, cuối năm học.

- Báo cáo đánh giá đúng tình hình, kết quả đạt được (*những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân*) xác định phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện; kiến nghị, đề xuất với các cấp nhằm thực hiện hiệu quả cho thời gian tiếp theo.

- Thời điểm báo cáo:

+ Báo cáo tháng: trước ngày họp liên tịch 02 ngày.

+ Báo cáo sơ kết học kỳ I trước ngày 20 tháng 01 năm 2025.

+ Báo cáo tổng kết năm học 2024-2025, báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí thi đua và đề nghị xét khen thưởng năm học 2024-2025 về Huyện, trước ngày 15 tháng 6 năm 2025.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục của Trường Tiểu học Thị trấn Lấp Vò 1 năm học 2024-2025. Nhà trường yêu cầu các bộ phận, tổ khối chuyên môn, cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình có vấn đề mới phát sinh Ban giám hiệu sẽ điều chỉnh bổ sung./.

### **Nơi nhận :**

- Phòng GD (Phê duyệt);
- Hiệu trưởng (Chỉ đạo chung);
- P.HT (Chỉ đạo, triển khai thực hiện);
- Tổ trưởng (phổ biến đến GV t/h);
- TPTĐ, GV, NV (t/h);
- Lưu: VT.

### **HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Thanh Phụng**